

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2017/HSST
Ngày: 22-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2017/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/HSST-QĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn H, sinh năm 1975; giới tính: Nam; đăng ký HKTT: Số 65, tổ dân phố P, thị trấn M, huyện T, thành phố H; chỗ ở: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: lớp 12/12; con ông Bùi Văn Ha, sinh năm 1945 và bà Lê Thị L, sinh năm 1944; bị cáo có vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1976; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án: Ngày 04-02-2015, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 13/2015/HSST (BL 94 - 96), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/10/2015 (BL 115).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 25-8-2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 497/HSST (BL 89 - 91), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12-12-2004 (BL 114), bị cáo chấp hành xong việc nộp án phí vào ngày 23-8-2005 (BL 117).

- Ngày 22-4-2011 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 95/2011/HSST (BL 92, 93), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31-7-2011 (BL 113), bị cáo đã chấp hành xong việc nộp án phí (BL 99).

Bị cáo có cha là ông Bùi Văn Ha được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì (BL 83).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-5-2017 đến ngày 31-5-2017; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự:

Công ty TNHH Xây dựng và Cơ điện TB; trụ sở chính: Số 14/20 đường Nguyễn Quang D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công B, sinh năm: 1984; chức vụ: Giám đốc công ty; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M; sinh năm: 1989, địa chỉ: Nhà trọ Ngọc Sơn, tổ 3, ấp 1, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ 16, khu phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người làm chứng:

Ông Đặng Quốc Th, sinh năm: 1987; địa chỉ: Khu phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn H cùng vợ là bà Hoàng Thị T kinh doanh mua bán ống nước tại nhà.

Khoảng 06 giờ 05 phút ngày 20-5-2017, H điều khiển xe mô tô biển số 61B1-750.76 đi giao ống nước cho khách hàng tại ấp 1, xã V, thị xã T. Trên đường về H đến đoạn Đường 27 Khu công nghiệp VSIP II – A thuộc ấp 1, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì trời mưa nên H vào khu nhà xưởng 2 đang thi

công xây dựng của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB để trú mưa. H nhìn thấy 01 tủ điện trên tường ở trong phòng của nhà xưởng 2 và cửa phòng không có khóa, không có người trông coi nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt các thiết bị điện trong tủ điện. Thực hiện ý định, H đi bộ lại vị trí tủ điện và dùng tay mở cửa tủ điện rồi tháo lấy các thiết bị điện gồm: 04 (bốn) cầu dao điện chống giật BV-DN 1PN 25A, 01(một) cầu dao điện BH-D6 3P 50A, 08 (tám) cầu dao điện BH-D10 2P 20A, 03 (ba) cầu chì OMEGA FS32X. H nhặt túi ny long màu đen ở bên cạnh tủ điện rồi bỏ các thiết bị điện vừa chiếm đoạt được vào và để trên бага xe mô tô biển số 61B1-750.76. H điều khiển xe mô tô biển số 61B1-750.76 rời khỏi khu vực xưởng 2 của công trình đến khu vực xưởng 4 của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB (xưởng 4 cách xưởng 2 khoảng 100 mét). Do các khu nhà xưởng có thiết kế giống nhau nên H nảy sinh ý định vào xưởng 4 tìm tủ điện để mở lấy các thiết bị điện. H điều khiển xe mô tô biển số 61B1-750.76 vào trong xưởng 4 rồi quay đầu xe mô tô ra ngoài. H đi bộ vào bên trong căn phòng có tủ điện treo trên tường và dùng tay mở cửa tủ điện, tháo lấy 04 (bốn) cầu dao điện loại BH-D10 2P 20A rồi để xuống dưới nền nhà. Ông Đặng Quốc Th là kỹ sư xây dựng của công trình xây dựng đến khu nhà xưởng làm việc thì phát hiện. H chạy đến xe mô tô biển số 61B1-750.76 khởi động máy xe mô tô, điều khiển xe bỏ chạy ra hướng Đường 27 Khu công nghiệp VSIP II – A. Thấy khả nghi nên ông Th chạy bộ đuổi theo và dùng chân đạp ngã xe mô tô biển số 61B1-750.76 của H làm H cùng xe mô tô ngã xuống đường. Ông Th chạy vào khu xưởng gọi thêm người tới hỗ trợ bắt giữ H. Nhưng H nhanh chóng điều khiển xe mô chạy thoát. Ông Th báo sự việc cho ông Nguyễn Văn M là kỹ sư điện của công trình xây dựng khu nhà xưởng biết. Ông Th, ông M kiểm tra các khu nhà xưởng của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB thì phát hiện các thiết bị điện ở xưởng 2 và 04 bị mất trộm. Ngoài ra, ông Th, ông M còn phát hiện tại vị trí H bị té ngã có 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen. Ông M đến Công an xã V trình báo vụ việc và giao nộp chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen nêu trên cùng 04 (bốn) cầu dao điện loại BH-D10 2P 20A mà H bỏ tại nền nhà xưởng 4 đang xây dựng của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB (BL 07, 08). Công an xã V tiến hành lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi phát hiện điện thoại bị rơi, H vào tiệm bán nước mượn điện thoại di động của ông Phạm Minh Q (chủ tiệm) để gọi tổng đài khóa sim số 01662011433 là sim điện thoại mà H gắn trong điện thoại di động Nokia 105 màu đen bị đánh rơi tại vị trí ông Đặng Quốc Th đạp ngã xe mô tô của H điều khiển (BL 25, 26, 127, 128).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xác minh chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen mà ông Nguyễn Văn M nhặt tại vị trí H té ngã giao nộp xác định là điện thoại của Bùi Văn H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T mời H về làm việc nhưng H đã bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 22-5-2017, Bùi Văn H đến Công an xã V, thị xã T để đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp: 04 (bốn) cầu dao điện

chống giạt BV-DN 1PN 25A, 01 (một) cầu dao điện BH-D6 3P 50A, 08 (tám) cầu dao điện BH-D10 2P 20A, 03 (ba) cầu chì OMEGA FS32X, 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen bạc biển số 61B1-750.76 (BL 06, 10, 11, 32, 35 – 42, 77 – 80, 136, 137).

Tại Kết luận định giá tài sản số 99/KLTS-TTHS ngày 24-5-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định: 04 (bốn) cầu dao điện chống giạt BV-DN 1PN 25A, 01 (một) cầu dao điện BH-D6 3P 50A, 08 (tám) cầu dao điện BH-D10 2P 20A, 03 (ba) cầu chì OMEGA FS32X mà Bùi Văn H trộm cắp tại xưởng 2 của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 4.838.900 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi tám nghìn chín trăm đồng) (BL 44).

Tại Kết luận định giá tài sản số 114/KLTS-TTHS ngày 13-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định: 04 (bốn) cầu dao điện BH-D10 2P 20A mà Bùi Văn H trộm cắp tại xưởng 4 của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 770.800 đồng (Bảy trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng) (BL 122).

Tổng giá trị tài sản mà Bùi Văn H chiếm đoạt của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB có tổng trị giá là 5.609.700 đồng (Năm triệu sáu trăm lẻ chín ngàn bảy trăm đồng).

Ngày 19-7-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 109 và trả lại các thiết bị điện các loại gồm: 04 (bốn) cầu dao điện chống giạt BV-DN 1PN 25A, 01 (một) cầu dao điện BH-D6 3P 50A, 12 (mười hai) cầu dao điện BH-D10 2P 20A, 03 (ba) cầu chì OMEGA FS32X cho ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB, ông M không có yêu cầu gì khác (BL 130 - 132).

Xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen bạc biển số 61B1-750.76 do bà Hoàng Thị T đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô. Ngày 20-5-2017, bà T giao xe này cho Bùi Văn H là chồng bà T sử dụng làm phương tiện giao hàng cho khách, việc H sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội bà T không biết (BL 125).

Kết luận định giá tài sản số 144/KLTS-TTHS ngày 17-8-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T xác định 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu bạc, biển số 61B1-750.76, số máy Hc12E7228681, số khung: 1254Y228681 trị giá 14.150.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 98/QĐ/KSĐT ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn H mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Do không có yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Trả cho bị cáo Bùi Văn H 01 (một) điện thoại Nokia 1133 màu đen số IMEi 1: 354898080667784; số IMEi 2: 354898080667792; Model: RM-1133.

Trả cho bà Hoàng Thị T 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu bạc, biển số 61B1-750.76, số máy Hc12E7228681, số khung: 1254Y228681;

Buộc bị cáo nộp số tiền 7.075.000 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi của bị cáo, bị cáo đã nhận thức rõ sai phạm của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị cáo một lần nữa để bị cáo có cơ hội sớm về chăm sóc cho gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Văn H là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 20 tháng 5 năm 2017, tại Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB thuộc ấp 1, xã

V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Bùi Văn H có hành vi lén lút chiếm đoạt 04 (bốn) cầu dao điện chống giật BV-DN 1PN 25A, 01 (một) cầu dao điện BH-D6 3P 50A, 12 (mười hai) cầu dao điện BH-D10 2P 20A, 03 (ba) cầu chì OMEGA FS32X. Tổng cộng tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 5.609.700 đồng (Năm triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm đồng) của Công ty TNHH xây dựng và cơ điện TB.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, không phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt. Cáo trạng đã truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T cũng như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty tại xưởng số 2 xong bị cáo tiếp tục đến xưởng số 4 để chiếm đoạt tiếp thể hiện ý thức và thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trái phép quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo đã có gia đình, vợ con, có công việc ổn định, nhưng không cố gắng lao động chân chính để tạo ra của cải, vật chất nuôi sống bản thân, gia đình và làm gương cho các con noi theo.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 13/2015/HSST ngày 04-02-2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13-10-2015. Bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo có cha là ông Bùi Văn Ha được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện đến Công an đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 497/HSST ngày 25-8-2004 bị (BL 89 - 91) và bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 95/2011/HSST ngày 22-4-2011.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ

phạm tội của bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho nguyên đơn dân sự và nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen bạc biển số 61B1-750.76 do bà Hoàng Thị T đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô. Bị cáo sử dụng xe mô tô của bà T thực hiện hành vi phạm tội, bà T không biết nên cần trả lại xe mô tô biển số 61B1-750.76 cho bà T. Xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen bạc biển số 61B1-750.76, bà T và bị cáo xác định là tài sản chung của vợ chồng nên cần buộc bị cáo nộp số tiền 7.075.000 đồng là số tiền một phần hai giá trị xe mô tô để sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 (một) điện thoại Nokia 1133 không liên quan trong vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo pH chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1, Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22-5-2017 đến ngày 31-5-2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Khoản 1, Điểm b, Khoản 2, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Trả cho bà Hoàng Thị T: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen – bạc biển số 61B1-750.76, số khung: 1254FY228571, số máy HC12E7228681.

Trả cho bị cáo Bùi Văn H: 01 (một) điện thoại Nokia 1133 màu đen số IMEi 1: 354898080667784; số IMEi 2: 354898080667792; Model: RM-1133

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã T với Công an thị xã T).

Buộc bị cáo Bùi Văn H nộp số tiền 7.075.000 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn H nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm